

# TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN NGỮ VĂN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ TÂY

ThS. HOÀNG THỊ MINH THẢO\*

Ngày nhận bài: 11/05/2016; ngày sửa chữa: 12/05/2016; ngày duyệt đăng: 17/05/2016.

**Abstract:** Creative experiential activities play very important role in learning of students, creating opportunities for students to translate the experience learned and knowledge into practice and promote the creative potential of individuals. This method requires to organize flexible forms of activities. The article presents a process with steps to organize creative experiential activities and forms of those activities, improve quality of some form of organized activities for students of philology at Ha Tay College of education.

**Keywords:** Creative experiential activity, practical capacity, students of philology.

## 1. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo (HĐTNST)

**1.1. Khái niệm:** Theo Dự thảo Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục (GD) phổ thông sau năm 2015: “HĐTNST bản chất là những hoạt động (HĐ) GD nhằm hình thành và phát triển cho học sinh (HS) những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng (KN) sống và những năng lực (NL) cần có của con người trong xã hội hiện đại. Nội dung của HĐTNST được thiết kế theo hướng tích hợp nhiều lĩnh vực, môn học thành các chủ điểm mang tính chất mở. Hình thức và phương pháp tổ chức đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt mở về không gian và thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng... để HS có nhiều cơ hội để trải nghiệm (TN) và phát huy tối đa khả năng sáng tạo (ST) của các em”.

HĐTNST là một trong những nội dung đổi mới căn bản của Dự thảo chương trình GD phổ thông tổng thể. Việc coi trọng và tăng cường HĐTNST cho HS được thực hiện xuyên suốt từ lớp 1-12, bao gồm các nội dung bắt buộc và nội dung tự chọn, thiết kế theo 2 giai đoạn: GD cơ bản (từ lớp 1-9) và GD định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10-12). HĐTNST nhằm định hướng, tạo điều kiện cho HS quan sát, suy nghĩ và tham gia các HĐ thực tiễn, qua đó tổ chức khuyến khích, động viên và tạo điều kiện cho các em tích cực nghiên cứu, tìm ra những giải pháp mới, ST những cái mới trên cơ sở kiến thức đã học trong nhà trường và những gì đã trải qua trong thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức, phẩm chất, KN sống và NL cho HS.

Bản chất của HĐTNST chính là HĐ GD theo nghĩa hẹp, được thiết kế, tổ chức thực hiện theo hướng tăng cường sự TN và ST cho người học. Ở mỗi môn học, các HĐTNST sẽ mang tính đặc trưng, đặc thù riêng góp phần hình thành các năng chuyên biệt cho HS. Nội dung GD của HĐTNST thiết thực và gắn gũi với thực

tiễn, đáp ứng được nhu cầu HĐ của HS, giúp các em vận dụng những hiểu biết của mình vào trong thực tế cuộc sống một cách dễ dàng, thuận lợi. HĐTNST có thể tổ chức theo các quy mô khác nhau như: theo nhóm, theo lớp, theo khối lớp, theo trường hoặc liên trường. Tuy nhiên, tổ chức theo quy mô nhóm và quy mô lớp có ưu thế hơn, HS tham gia được nhiều hơn, và có nhiều khả năng hình thành, phát triển các NL cho HS hơn.

**1.2. Thực tiễn tổ chức HĐTNST cho sinh viên (SV) Trường Cao đẳng sư phạm (CĐSP) Hà Tây hiện nay.** Thực tế đào tạo cho thấy, trong khi việc tổ chức HĐTNST, tổ chức dự án nghiên cứu, học tập từ thực tế đang là một trong những mục tiêu chính của đổi mới GD phổ thông, nhà trường vẫn chưa xây dựng được các chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu đổi mới sản phẩm đào tạo, chưa thực sự cùng đồng hành với những thay đổi ở trường phổ thông. Ở trường phổ thông, để hướng tới việc phát triển NL của người học, người dạy rất tích cực trong việc đổi mới phương pháp và hình thức dạy học (DH). Tuy nhiên, mặc dù đã có sự thay đổi trong phương pháp DH, có các HĐ rèn luyện thường xuyên cho SV, song những đổi mới thực sự trong giảng dạy thì vẫn còn có một “độ vênh” nhất định so với các trường phổ thông. Bên cạnh đó, nhiều SV chỉ coi trọng và dành thời gian nhiều vào việc soạn giáo án, tập giảng, không coi trọng việc tổ chức HĐTNST ngoài giờ lên lớp cho HS. Vì vậy, SV - sản phẩm đào tạo của nhà trường sau khi ra trường rất mơ hồ với thực tiễn GD tại trường phổ thông, chưa có khả năng hướng dẫn HS, chưa tạo được những HĐ thu hút HS tham gia các HĐ ngoài giờ lên lớp, bởi chính bản thân các giáo viên khi học ở trường sư phạm không được tham gia nhiều vào các HĐTNST này.

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

Vì vậy, trong quá trình DH các học phần chuyên ngành *Ngữ văn*, giảng viên (GV) phải xác định rõ cho SV: Đối với việc DH *Ngữ văn* theo định hướng phát triển NL thì tác phẩm văn học và các kiến thức tích hợp về *Ngữ văn* sẽ được dùng như là ngữ liệu và phương tiện giúp HS hình thành và phát triển các NL chung cũng như NL đặc thù của môn học. Việc DH kiến thức về văn học, tiếng Việt chủ yếu không phải là để cho HS “biết gì” về tác phẩm hay kiến thức đó mà là giúp các em “làm được gì” từ những điều học được. Chính vì vậy, việc tổ chức các HĐNST cho các em là rất cần thiết. Trong các HĐ này, GV đóng vai trò là người định hướng để HS tìm hiểu, ghi nhớ, học hỏi thông qua chính quá trình tự mình khám phá kiến thức, trải nghiệm sáng tạo (TNST) bằng các HĐ. Qua đó SV sẽ được trau dồi các KN tư duy ST, óc thẩm mỹ và khả năng giải quyết tình huống.

## **2. Quy trình của HĐNST trong DH *Ngữ văn* tại Trường CĐSP Hà Tây**

**2.1. Xác định mục tiêu của HĐNST:** Các mục tiêu HĐ cần được xác định rõ ràng, cụ thể và phù hợp, phản ánh được các mức độ cao thấp của yêu cầu cần đạt về tri thức, KN, thái độ và định hướng giá trị. Nếu xác định đúng mục tiêu sẽ có tác dụng: định hướng cho HĐ, là cơ sở để chọn lựa nội dung và điều chỉnh HĐ, căn cứ để đánh giá kết quả HĐ, kích thích tính tích cực HĐ của thầy và trò. Tùy theo chủ đề của HĐNST, đặc điểm đối tượng SV mà hệ thống mục tiêu sẽ được cụ thể hóa và mang màu sắc riêng. Khi xác định mục tiêu cần phải trả lời các câu hỏi sau: - Kiến thức: HĐ này có thể hình thành cho HS những kiến thức ở mức độ nào? Khối lượng và chất lượng cần đạt của kiến thức; - KN: SV được hình thành và phát triển những KN gì? Mức độ đạt được của nó sau HĐ như thế nào?; - Thái độ, hành vi: Qua HĐ, SV được hình thành những thái độ hành vi nào?

**2.2. Xây dựng kế hoạch HĐNST:** - Xác định không gian, thời gian thực hiện, nội dung TNST, sự phối kết hợp giữa các thành phần tham gia; - Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể, khoa học để thực hiện tốt được mục tiêu DH, phát huy được ý tưởng ST của cá nhân vào HĐ chung.

**2.3. Triển khai HĐNST:** Muốn biến các mục tiêu thành hiện thực thì phải lập kế hoạch. SV triển khai HĐNST theo kế hoạch đã chuẩn bị chi tiết. Lập kế hoạch để thực hiện hệ thống mục tiêu tức là tìm các nguồn nhân lực và thời gian, không gian cần cho việc hoàn thành các mục tiêu. Trong tình huống phát sinh cần phải điều chỉnh, GV căn cứ vào tình hình thực tiễn để ra các quyết định cần thiết và chịu trách nhiệm về các quyết định đó. Để triển khai HĐNST, cần thiết phải xây dựng các KN nền cho SV. SV phải huy động kiến thức, KN, các phẩm chất NL tổng hợp để giải quyết

nhiệm vụ thực hiện. Cần phải cụ thể hóa nhiệm vụ của cá nhân, nhiệm vụ của nhóm, cần có KN làm việc nhóm, KN lắng nghe và phản hồi tích cực, KN ghi chép, xử lý thông tin, KN ra quyết định.

**2.4. Tổ chức nghiệm thu kết quả học tập và rút kinh nghiệm:** GV xác định rõ phương án nghiệm thu kết quả học tập ngay từ bước lập kế hoạch và công bố trước để HS chủ động, có mục tiêu rõ ràng khi tham gia HĐ. HS nên được cùng tham gia vào việc nghiệm thu, đánh giá và tự rút kinh nghiệm để HĐ thực sự thấm nhuần và có ý nghĩa đối với SV.

Để SV sau khi ra trường có thể nhanh chóng tiếp cận giảng dạy chương trình - sách giáo khoa mới, không lúng túng trước việc hình thành các NL tổ chức HĐNST cho HS phổ thông, chúng tôi trình bày một số hình thức tổ chức HĐNST trong dạy - học các chuyên ngành *Ngữ văn* ở Trường CĐSP Hà Tây.

## **3. Một số hình thức tổ chức HĐNST trong DH các chuyên ngành *Ngữ văn* ở trường CĐSP Hà Tây**

**3.1. TNST dưới hình thức hội thảo, chuyên đề** HĐ này diễn ra dưới hình thức SV trao đổi, thảo luận về một số vấn đề khác nhau xoay quanh một chủ đề cụ thể được lựa chọn trước để thống nhất một sự hiểu biết chung và xác lập những thái độ, hành động phù hợp với những vấn đề đó. Nội dung của hội thảo, chuyên đề hoặc phải có những quan điểm, ý kiến trái chiều nhau hoặc sử dụng được nhiều kiến thức và kinh nghiệm để đánh giá, kết luận hay ST ra ý tưởng mới. Vấn đề đặt ra là trong khi tranh luận, để bày tỏ chính kiến, SV cần phải có phương pháp giải quyết vấn đề. SV sẽ được đặt mình trong các tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề giúp HS lĩnh hội tri thức, KN và phương pháp. Giải quyết vấn đề sẽ giúp SV có cách nhìn toàn diện hơn trước các hiện tượng, sự việc nảy sinh trong HĐ, trong cuộc sống hàng ngày.

Phương pháp giải quyết vấn đề được tiến hành theo các bước cụ thể sau đây:

- **Bước 1. Nhận biết vấn đề:** SV cần phải phân tích tình huống đặt ra nhằm nhận biết được vấn đề để đạt được yêu cầu, mục đích đặt ra. Do đó, vấn đề ở đây cần được trình bày rõ ràng.

- **Bước 2. Tìm phương án giải quyết:** Để đạt được điều này, SV cần có sự so sánh liên hệ với những cách giải quyết vấn đề tương tự, những kinh nghiệm đã có cũng như tìm ra các phương án giải quyết mới. Cần có sự sắp xếp, hệ thống hóa các phương án đã tìm được để xử lý ở giai đoạn tiếp theo.

- **Bước 3. Quyết định phương án giải quyết:** SV cần có sự phân tích, so sánh và đánh giá xem có thực hiện được việc giải quyết vấn đề không. Nếu cùng một lúc có

nhiều phương án thì cần so sánh để tìm ra phương án tối ưu.

Trong buổi sinh hoạt chuyên đề, GV là người định hướng, dẫn dắt, khơi gợi sự mạnh dạn, tích cực, tự tin của SV để tạo không khí thảo luận sôi nổi. Trường hợp nếu gặp khó khăn khi không thống nhất được các ý kiến trái chiều thì GV phải đóng vai trò là người trọng tài khoa học cho SV trong quá trình sinh hoạt học thuật. TNST dưới hình thức hội thảo chuyên đề sẽ giúp cho SV hình thành và phát triển các KN xã hội cần thiết như KN trình bày, KN thuyết phục, biết bảo vệ chính kiến của mình, biết lắng nghe, chia sẻ và hợp tác...

*Ví dụ:* Khi dạy nội dung *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt* (học phần **Ngữ âm**) để đạt mục tiêu: SV biết cách sử dụng tiếng Việt đúng và hay, GV có thể tổ chức chuyên đề, hội thảo về tính tích cực và tiêu cực của hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong giới trẻ. Để tổ chức chuyên đề này, GV yêu cầu mỗi nhóm phải xây dựng được một bộ phim ngắn về văn hóa sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay. Cụ thể: Nhóm 1: Sự lệch chuẩn ngôn ngữ, lạm dụng tiếng lóng trong các thành ngữ của tuổi teen; Nhóm 2: Ngôn ngữ chat, ngôn ngữ @ trong tiếng Việt; Nhóm 3: Ngôn ngữ Tây hóa trong giao tiếp của giới trẻ... SV được giao nhiệm vụ làm phóng sự, phỏng vấn, điều tra từ thực tế, quay và lưu giữ các hình ảnh tư liệu, xử lý thông tin, tập hợp, thống kê, phân loại, nêu được thực trạng, chỉ ra được nguyên nhân và đưa ra được ý kiến và những giải pháp hữu ích để gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt. Trong quá trình thực tế điều tra, xây dựng kịch bản, SV sẽ phát hiện ra được thực trạng đáng báo động trong việc sử dụng tiếng Việt của giới trẻ hiện nay, những ý kiến trái chiều về vấn đề tích cực và tiêu cực của việc sử dụng “ngôn ngữ @” và tự rút ra bài học cho chính mình. Nghiên cứu, định hướng cho giới trẻ hiện nay biết sử dụng ngôn ngữ một cách có văn hóa, góp phần GD cho thế hệ trẻ giữ gìn, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là rất cần thiết và cấp bách.

Theo chúng tôi, HĐTNST với hình thức hội thảo, chuyên đề dưới cách tiếp cận mới trong DH sẽ giúp SV có cơ hội TN và hình thành nhân cách thông qua những HĐ thực tiễn, tiếp xúc, cọ xát với thực tế. Với việc TN, điều tra này SV được bồi đắp vốn sống, phát triển các KN toàn diện, tăng sự kết nối giữa nhà trường với thực tế cuộc sống. Quan trọng hơn, SV là người quyết định cách tiếp cận vấn đề cũng như phương pháp và các HĐ cần tiến hành để giải quyết vấn đề đó.

**3.2. TNST dưới hình thức sân khấu tương tác.** Sân khấu tương tác là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên HĐ diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở

đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được ST bởi những người tham gia. Nội dung của sân khấu tương tác là các vấn đề, những điều trực tiếp tác động tới cuộc sống của người học. Các em tự chọn vấn đề, tự xây dựng kịch bản và cuối cùng là chọn ra những diễn viên cho vở diễn đó để thực hiện và sẽ có không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Sắm vai có ý nghĩa rất lớn trong việc hình thành và phát triển các KN giao tiếp cho HS.

TNST dưới hình thức sân khấu tương tác, SV sử dụng phương pháp sắm vai tiến hành theo các bước sau đây:

- *Bước 1: Nêu tình huống sắm vai:* Các tình huống được lựa chọn phải là tình huống mở.

- *Bước 2: Lựa chọn nhóm chuẩn bị vai diễn:* yêu cầu phải lựa chọn kịch bản chứa đựng các tình huống sinh động, hấp dẫn, mang tính sân khấu nhưng không được đưa ra những lời giải hay cách giải quyết tình huống. Kết thúc sắm vai phải là tình huống mở.

- *Bước 3: Thảo luận sau khi sắm vai:* Phần trình diễn chính là một cuộc chia sẻ, thảo luận giữa những người thực hiện và khán giả, trong đó đề cao tính tương tác hay sự tham gia của khán giả. Việc diễn không phải là phần quan trọng nhất của phương pháp này mà quan trọng là việc xử lý tình huống khi diễn và thảo luận sau phần diễn ấy.

Mục đích của HĐTNST dưới hình thức sân khấu tương tác là nhằm tăng cường nhận thức, thúc đẩy SV đưa ra quan điểm, suy nghĩ và cách xử lý tình huống thực tế gặp phải trong bất kì nội dung nào của cuộc sống. Thông qua sân khấu tương tác, sự tham gia của HS được tăng cường và thúc đẩy, tạo cơ hội cho HS rèn luyện những KN như: KN phát triển vấn đề, KN phân tích vấn đề, KN ra quyết định và giải quyết vấn đề, khả năng ST khi giải quyết tình huống và khả năng ứng phó với những thay đổi của cuộc sống... nhằm tăng cường sự nhận thức của bản thân và tính tự chủ.

*Ví dụ 1:* Khi DH phần **Văn học dân gian** (VHDG) cho SV năm thứ 1, GV có thể chọn nội dung hội thảo: *VHDG trong đời sống xã hội*, mục đích là giúp SV có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về bộ phận VHDG Việt Nam. Mục đích của buổi hội thảo nhằm giúp cho SV hiểu rõ hơn vị trí, vai trò, giá trị của VHDG trong đời sống xã hội, có thái độ trân quý, say mê đối với các tác phẩm VHDG, có ý thức rèn luyện và trau dồi về nghiệp vụ sự phạm trong quá trình giảng dạy các tác phẩm VHDG sau này ở nhà trường phổ thông. Để tiến hành hội thảo, SV sẽ có thời gian 2 tuần để chuẩn bị. Các nhóm SV sẽ được tham gia vào các phần TN sau: - Được TN trong vai trò của các nhà nghiên cứu VHDG để khai thác và tìm hiểu thông tin về các nội dung: đặc trưng thi pháp của các

thể loại VHDG; vai trò của VHDG trong đời sống hiện đại mối quan hệ giữa VHDG và văn học viết thông qua các tài liệu giáo trình, chuyên san, tiểu luận và các bài viết nghiên cứu của các nhà phê bình văn học; - Được TN trong vai trò của những người nghệ sĩ khi khai thác tác phẩm VHDG ở nhiều góc độ khác nhau, làm “sống lại” những vẻ đẹp độc đáo của tác phẩm VHDG trong môi trường diễn xướng, thông qua các hình thức trình diễn bằng *ngôn ngữ - âm nhạc - vũ điệu* (phân trình diễn của SV có thể sẽ trình diễn trực tiếp hoặc quay lại bằng các video clip để trình chiếu cùng với bản thuyết trình nội dung chuyên đề trong hội thảo. Nội dung mỗi thước phim phải đảm bảo được tính thuyết phục về thông điệp nội dung của chuyên đề); Được TN trong vai trò của các nhà biên tập khi tham gia thu thập và xử lý thông tin thu được để viết thu hoạch dưới dạng báo cáo khoa học nhỏ ( báo cáo bằng tập san, bằng sơ đồ tư duy, bằng bản trình chiếu PowerPoint hoặc video clip...); - Được TN trong vai trò của một nhà hùng biện khi báo cáo trước hội thảo. Cần tìm ra một phương thức truyền thông điệp để tạo được hiệu ứng cao nhất, biến thông điệp thành những hành động thiết thực có ý nghĩa đối với các thành viên trong lớp và có sự lan tỏa sâu sắc.

Qua việc TNST, SV không những có được NL thực hiện, mà còn được những TN về cảm xúc, ý chí và nhiều trạng thái tâm lí khác. Từ đó, SV sẽ tự chủ động lĩnh hội kiến thức sâu rộng của VHDG, hiểu bản chất của vấn đề nghiên cứu và được hình thành nhiều KN quan trọng, phát huy được NL của người học một cách hiệu quả nhất.

*Ví dụ 2:* Khi DH phần **Văn học hiện đại**, GV yêu cầu và hướng dẫn SV chọn một số đoạn tình huống kịch tính trong các tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam để ST tương tác với tiểu phẩm, đối thoại với nhà văn, tác giả kịch bản ST. Văn bản tác phẩm lúc này sẽ không còn là sự ST độc quyền của nhà văn mà mở rộng biên độ của sự tiếp nhận, trao quyền chủ động cho SV, SV được sống cùng nhân vật, sắm vai trong các tình huống, đồng ST với nhà văn. Chẳng hạn, đối với chuyên đề: “*Văn học Việt Nam sau năm 1975*”, GV có thể cho các em tương tác với tác phẩm: “Nổi buồn chiến tranh” (Bảo Ninh), “Người ở bến Sông Châu” (Sương Nguyệt Minh)... Vấn đề hậu chiến tranh được nhìn nhận bằng cảm xúc, suy nghĩ, quan điểm và tiếng nói của thế hệ trẻ sau chiến tranh - khi SV trình diễn phân tương tác với tác phẩm, tái hiện lại thời kì chiến tranh với số phận bất hạnh và đau khổ của những con người trong thời này.

Với hình thức học này, SV sẽ được suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc

“diễn”, “đóng vai” không phải là phần chính mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy. Trong qua trình SV HĐTNST bằng hình thức sân khấu tương tác, GV cần phải có sự ST và linh hoạt khi đưa ra các tình huống bất ngờ, tình huống “mở” với nhiều cách giải quyết khác nhau để gây hứng thú và tạo điều kiện để nảy sinh sự ST trong quá trình SV hóa thân và nhập vai vào tác phẩm. Để HĐ tương tác với tác phẩm có hiệu quả, bắt buộc SV phải đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ văn bản, tìm hiểu về nhà văn và những vấn đề liên quan đến tác phẩm, có KN cảm thụ và tiếp nhận văn học... Sau mỗi lần tham gia HĐTNST này, SV sẽ có thêm nhiều KN sống, hiểu biết hơn về cuộc sống, biết yêu thương con người, quý trọng những gì mình có.

**3.3. TNST dưới hình thức nghiên cứu khoa học (NCKH).** NCKH là HĐ mới đối với SV nhà trường. Về bản chất, NCKH cũng là HĐTNST, HĐ TN trên lĩnh vực khoa học, phục vụ giải quyết những vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Thực hiện NCKH là một trong những phương pháp hiệu quả để SV mở rộng vốn kiến thức cũng như vốn “KN mềm” của bản thân; là cơ hội để SV áp dụng những kiến thức lí thuyết đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Thực tế hiện nay cho thấy, nhà trường chưa chú trọng nhiều đến vấn đề NCKH trong SV. Chương trình đào tạo không có môn học về phương pháp luận NCKH. Trở ngại lớn nhất là SV không được trang bị về phương pháp NCKH một cách bài bản và cụ thể. Một số SV xuất sắc có ý tưởng NCKH đều loay hoay không biết bắt đầu từ đâu, cách thức triển khai, quy trình tiến hành cụ thể như thế nào. Theo chúng tôi, đối với SV CĐSP, mục tiêu chính của việc NCKH là trang bị cho SV các kiến thức, KN NCKH độc lập để hỗ trợ cho HĐ học tập. Do vậy, tiếp cận việc NCKH trong SV mục tiêu đặt nhiều vào trọng số của việc hình thành các ý tưởng, cách phát hiện và giải quyết vấn đề, cách xây dựng đề cương, phương pháp tìm kiếm tài liệu, cách thu thập thông tin, thử nghiệm kết quả, nội dung viết báo cáo chứ không đặt nặng vào sản phẩm phải mang lại những hiệu quả xã hội cao. Tuy nhiên, để NCKH có hiệu quả, SV phải có niềm đam mê với đề tài mình theo đuổi, có lòng nhiệt huyết và trăn trở, ứng dụng những kiến thức mình đã và đang được học vào vấn đề mình đang nghiên cứu. SV phải đưa được những vấn đề thực tế vào trong những nghiên cứu của mình, bởi nếu không có giá trị thực tế thì những vấn đề nghiên cứu của SV không có giá trị gì nhiều.

Để khích lệ SV tham gia vào NCKH, trong quá trình học, GV cần cho SV được đăng kí các đề tài liên quan nội dung môn học ngay từ năm học thứ hai; tăng cường

tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên đề để SV có cơ hội đi tìm các ý tưởng, các đề tài phù hợp; khuyến khích SV lập các nhóm NCKH để các em có thêm kiến thức và kinh nghiệm chia sẻ từ thầy cô, các bạn và các anh chị khóa trên. Việc hình thành môi trường nghiên cứu; trao đổi, chia sẻ và hướng dẫn các phương pháp NCKH cụ thể sẽ tạo hứng thú và động lực để SV tìm tòi ý tưởng và phương án ST.

\* \* \*

Học từ TN, học thông qua thực hành đều là những phương thức học hiệu quả nhằm giúp SV đạt được tri thức và kinh nghiệm nhưng theo các hướng tiếp cận không hoàn toàn như nhau. Nếu như “học đi đôi với hành” nhấn mạnh về thao tác kĩ thuật thì học qua TN giúp người học không những có được NL thực hiện mà còn có những TN về cảm xúc, ý chí và nhiều trạng thái tâm lí khác. Nếu học qua làm chú ý đến những quy trình, động tác thì học qua TNST gắn nhiều với kinh nghiệm và cảm xúc cá nhân, phát huy được NL của người học. Để đánh giá kết quả HĐTNST của SV, GV cần quan sát, nhận xét, góp ý để đánh giá ngay trong quá trình HĐ thực tiễn, dựa trên các biểu hiện cụ thể về phương thức và kết quả HĐ của SV. Hồ sơ quá trình HĐTNST của mỗi SV chính là một trong những minh chứng thuyết phục để đánh giá nhiều NL khác nhau của SV. Chương trình GD phổ thông mới nhấn mạnh vai trò rất quan trọng của HĐ TNST. Vì thế, cần tạo cho SV ngành *Ngữ văn* có nhiều cơ hội TN để vận dụng những kiến thức học được vào thực tiễn từ đó hình thành NL thực tiễn cũng như phát huy tiềm năng ST của bản thân, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn GD sau khi ra trường. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Thu Hà (2014). *Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực: Một số vấn đề lí luận cơ bản*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội.  
 [2] Nguyễn Thị Hằng (2014). *Quan niệm về hoạt động trải nghiệm sáng tạo và một số định hướng hình thành năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên sư phạm*. Kỉ yếu hội thảo “Đổi mới hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên theo hướng phát triển năng lực”. Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây.  
 [3] Nguyễn Thị Kim Dung - Nguyễn Thị Hằng (2015). *Một số phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường phổ thông*. Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 48.  
 [4] Nhiều tác giả (2010). *Giới thiệu một số phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên học tập chủ động và trải nghiệm*, đạt các chuẩn đầu ra theo CDIO. Trung tâm Nghiên cứu cải tiến phương pháp dạy và học đại học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[5] Bộ GD-ĐT (2016). *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên phổ thông*. Kỉ yếu hội thảo “Dạy học tích hợp, dạy học phân hóa ở trường trung học đáp ứng yêu cầu chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015” (Tài liệu tập huấn). Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

## So sánh trong dạy học...

(Tiếp theo trang 192)

Luận cương chính trị (10/1930) của Trần Phú; - Việt Nam Cách mạng Thanh niên với Việt Nam Quốc dân Đảng; - Chủ trương của Đảng qua các thời kì 1930-1931, 1932-1935, 1936-1939, 1939-1945; - SS việc kí kết Hiệp định sơ bộ Việt-Pháp (6-3-1946) với việc kí kết Hiệp ước Brest-Litov của nước Nga Xô viết với đế quốc Đức (3-1918); - SS các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ thực hiện ở nước ta trong những năm 1954-1975; - SS đường lối của Đảng trong kháng chiến chống Pháp với đường lối của Đảng trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước; - SS Chiến tranh đặc biệt với chiến tranh cục bộ...; - Lịch sử thế giới với lịch sử Việt Nam, Lịch sử dân tộc với lịch sử địa phương. Ví như, SS phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc các nước Đông Nam Á với Việt Nam, SS việc thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 ở nước ta với việc giành độc lập của các nước Đông Nam Á, SS công cuộc cải cách, đổi mới ở Trung Quốc, Liên Xô, Đông Âu với công cuộc đổi mới ở Việt Nam...

\* \* \*

SS trong DHLS có ý nghĩa về nhiều mặt, phù hợp với đặc trưng, nội dung của bộ môn *Lịch sử*. Song, để sử dụng có hiệu quả SS trong DHLS ở trường THPT, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đòi hỏi GV phải tuân thủ những nguyên tắc phương pháp luận sử học chứ không được tùy tiện theo cảm tính chủ quan; đồng thời phải kết hợp linh hoạt, sáng tạo với các hình thức, phương pháp DH khác, gắn với điều kiện cụ thể của từng lớp, trường, khu vực và trình độ nhận thức của HS. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Dẫn theo Phan Ngọc Liên (chủ biên, 2004). *Giáo trình Phương pháp luận sử học*. Trung tâm đào tạo từ xa - Đại học Huế.  
 [2] Phan Ngọc Liên (chủ biên, 2002). *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1. NXB Đại học sư phạm.  
 [3] Nhiều tác giả (1983). *Kinh nghiệm giảng dạy theo chủ đề – Gây hứng thú học tập lịch sử*. NXB Giáo dục.  
 [4] Vũ Dương Ninh - Trần Bá Đệ (đồng chủ biên, 2007). *Lịch sử 12 (cơ bản)*. NXB Giáo dục.  
 [5] Vũ Dương Ninh - Trần Bá Đệ (đồng chủ biên, 2007). *Lịch sử 12 (nâng cao)*. NXB Giáo dục.